

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1957; cư trú ấp Trường Khương, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Lê Văn S, sinh năm 1960; cư trú ấp Thới Ninh, xã B, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

4. Bà Lê Thị Hồng A, sinh năm 1963; cư trú khu vực Tân Qui, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

5. Bà Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1966; cư trú số 66, khu vực Tân Hưng, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

6. Bà Lê Thị Hồng M, sinh năm 1970; cư trú số 118, khu vực Thới An, phường Thới A, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

7. Bà Lê Thị Lệ T, sinh năm 1973; khu vực Tân Hưng, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; cư trú khu vực Tân Hưng, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Người tham gia tố tụng khác: Ủy ban nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: bị đơn ông E.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Phần trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/4/2019 và trong quá trình tố tụng như sau:

Nguyên đơn và chồng là ông Lê Văn L (chết năm 2007) có chung một khối tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 1320, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.140m² (trong đó có 300m² đất thổ cư, 840m² đất trồng cây lâu năm) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00407 do Ủy ban nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ cấp ngày 19/10/2005 cho ông Lê Văn L – đất tọa lạc tại khu vực Tân Hưng, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Vợ chồng nguyên đơn có tất cả 08 (tám) người con chung là Lê Văn Đ (chết năm 2016), Lê Thị Đ, Lê Văn S, Lê Thị Hồng A, Lê Thị Cẩm H, E (bị đơn), Lê Thị Hồng M, Lê Thị Lệ T.

Năm 2017, bị đơn – là con trai của nguyên đơn - sống lưu xứ hơn 10 năm trở về chiếm lấy sử dụng quyền sử dụng đất trên cùng căn nhà trên đất. Bà phải sang nhà của con gái là Lê Thị Cẩm H để sống nhờ cho đến hôm nay.

Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại ½ diện tích quyền sử dụng đất là 555m² và yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất 555m² của thửa đất 1320 trên.

Phần trình bày của bị đơn:

Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vào năm 2006, bị đơn đã được nguyên đơn tặng cho (bằng lời nói) toàn bộ quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất. Ngoài ra, bị đơn còn cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00407 do Ủy ban nhân dân quận X, thành phố Cần Thơ cấp ngày

19/10/2005 cho ông Lê Văn L – là sau thời điểm ông Lòi chết (năm 1998) nên không phải là di sản của ông L.

Phân trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Người thừa kế của ông Lê Văn Đ (sinh năm 1948, chết năm 2016) gồm vợ là bà Hồ Thị P và các con là ông Lê Trung N, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Bích L, bà Lê Thị Bích P, bà Lê Thị Bích D: đều thống nhất nhường quyền hưởng di sản cho bà Lê Thị Cẩm H.

Bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn S, bà Lê Thị Hồng A, bà Lê Thị Hồng M: thống nhất phân trình bày của nguyên đơn và nhường lại quyền hưởng di sản cho bà Lê Thị Cẩm H.

Bà Lê Thị Cẩm Hồng có yêu cầu độc lập: vào năm 2013, cha mẹ bà là cụ ông Lê Văn Lòi và cụ bà N có cho bà quyền sử dụng đất diện tích 325m² thuộc thửa 1320, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.140m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00407 do Ủy ban nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ cấp ngày 19/10/2005 cho ông Lê Văn Lòi. Bà đã xây nhà ở ổn định từ năm 2013 đến nay nên yêu cầu được công nhận phần đất được tặng cho này.

Bà Lê Thị Lệ Thủy có yêu cầu độc lập: yêu cầu chia tài sản thừa kế của ba bà là cụ ông Lê Văn Lòi theo quy định pháp luật. Phần bà được hưởng thì bà nhường lại cho bà Lê Thị Cẩm H và bà H sẽ hoàn lại cho bà số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị T: thống nhất phân trình bày của bị đơn.

Ủy ban nhân dân quận X có ý kiến như sau: ngày 07/01/2002, cụ ông Lê Văn L được Ủy ban nhân dân huyện Ô, tỉnh Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số 00458, thửa 1359 (diện tích 3.220m², loại đất ruộng), thửa 1704 (diện tích 350m², loại đất ruộng), thửa 1320 (diện tích 1.140m², có 300m² loại đất thổ cư và 840m² loại đất ruộng), tờ bản đồ số 05 – đất tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã T, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ. Ngày 29/8/2005, cụ ông Lê Văn L làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T 350m². Ngày 19/10/2005, cụ ông Lê Văn L được Ủy ban nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00407, thửa 1320, diện tích 1.140m² (trong đó có 300m² đất thổ cư, 840m² đất trồng cây lâu năm).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2029/DSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Lệ T.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm .

Nguyên đơn bà N được sở hữu căn nhà trên đất và quyền sử dụng đất có diện tích 616072m² (trong đó có 166,66m² đất thổ cư, 450.06m² đất trồng cây lâu năm).

Bị đơn ông E được chia quyền sử dụng đất có diện tích 61,66m² (trong đó có 16,66m² đất thổ cư và 45m² đất trồng cây lâu năm).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm H được chia quyền sử dụng đất có diện tích 431,62m² (trong đó có 116,62m² đất thổ cư và 315m² đất trồng cây lâu năm).

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là bà Lê Thị Cẩm H có nghĩa vụ giao trả cho bà Lê Thị Lệ T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại kỹ phân quyền sử dụng đất được chia.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá và quyền kháng cáo.

Ngày 07/11/2019, bị đơn ông E kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Cụ thể là không đồng ý chia tài sản thừa kế của cụ ông Lê Văn L vì tất cả quyền sử dụng đất này là của mẹ ông là cụ bà N (nguyên đơn) và cụ bà đã tặng cho ông; trên phần đất tranh chấp, ông đã bỏ ra chi phí số tiền 73.870.000 đồng (bảy mươi ba triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng) để lắp mương và sửa nhà, xây hàng rào gồm: mua 05 ghe cát là 27.500.000 đồng, mua cây gỗ dựng vách nhà là 13.500.000 đồng, vật liệu xây dựng là 14.675.000 đồng, tole lạnh là 5.445.000 đồng, công thợ là 12.750.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục: Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: bị đơn trình bày là bị đơn được nguyên đơn bà N tặng cho căn nhà và đất đang tranh chấp nhưng lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nên xác định là kháng cáo không có căn cứ pháp luật. Căn nhà và đất tranh chấp được các đương sự thống nhất là tài sản của cụ ông Lê Văn Lờ và cụ bà N nên khi cụ ông chết thì những người thừa kế sẽ được hưởng phần tài sản này. Do vậy, việc xét xử của cấp sơ thẩm hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Đến giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn đã tự nguyện tặng cho bị đơn phần đất có diện tích 31,1m² và hỗ trợ chi phí di dời số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên và áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm theo hướng khách quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là tranh chấp về thừa kế tài sản và đòi lại tài sản theo khoản 2 và 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo đối với việc không đồng ý trả lại quyền sử dụng đất có diện tích 555m² và 01(một) căn nhà trên đất:

Nguồn gốc quyền sử dụng đất mà các bên tranh chấp được vợ chồng cụ ông Lê Văn Lôi và nguyên đơn bà N trực tiếp canh tác, sử dụng từ trước năm 1975. Vào ngày 07/01/2002, quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số 00458 gồm 03 thửa: thửa 1359 (diện tích 3.220m², loại đất ruộng), thửa 1704 (diện tích 350m², loại đất ruộng), thửa 1320 (diện tích 1.140m², có 300m² loại đất thổ cư và 840m² loại đất ruộng) – đất tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã T, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ. Đến ngày 29/8/2005, cụ ông Lê Văn L chuyển nhượng hết thửa 1704 cho ông Nguyễn Văn T. Tại thủ tục chuyển nhượng này có sự chứng kiến ký tên của 02 người con của cụ ông là bà Lê Thị Cẩm H và ông E.

Ngày 29/10/2005, Ủy ban nhân dân quận X, thành phố Cần Thơ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần hai số H00407 đứng tên cụ ông Lê Văn L cho thửa đất số 1320 (diện tích 1.140m², có 300m² loại đất thổ cư và 840m² loại đất ruộng), tờ bản đồ số 05 – đất tọa lạc tại khu vực Tân Hưng, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ; qua đo đạc hiện trạng, thửa đất 1320 có diện tích là 1.110m² (có 300m² loại đất thổ cư và 810m² loại đất trồng cây lâu năm).

Từ các cơ sở trên đã thể hiện quyền sử dụng thửa đất số 1320 hoàn toàn thuộc quyền sử dụng chung hợp nhất của vợ chồng cụ ông Lê Văn L và nguyên đơn. Khi cụ ông Lê Văn L chết (năm 2007) không để lại di chúc thì ½ diện tích thửa đất 1320 là 555m² (có 150m² loại đất thổ cư và 405m² loại đất trồng cây lâu năm) thuộc di sản của cụ ông và ½ diện tích thửa đất 1320 là 555m² (có 150m² loại đất thổ cư và 405m² loại đất trồng cây lâu năm) thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn.

Như vậy, việc bị đơn chiếm giữ, sử dụng thửa đất 1320 và quản lý căn nhà trên thửa đất 1320 của nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 555m² (có 150m² loại đất thổ cư và 405m² loại đất trồng cây lâu năm) và 01 (một) căn nhà trên đất là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo đối với việc không đồng ý chia di sản của cụ ông Lê Văn L:

Như đã phân tích tại [2.1] thì di sản của cụ ông Lê Văn là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất 1320 là 555m^2 (có 150m^2 loại đất thổ cư và 405m^2 loại đất trồng cây lâu năm).

Cụ ông Lê Văn Lờ chết không để lại di chúc nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được chia tài sản thừa kế gồm nguyên đơn và 08 (tám) người con gồm người thừa kế của ông Lê Văn Đủ (gồm vợ là bà Hồ Thị Phận và các con là ông Lê Trung Nguyên, bà Lê Thị , bà Lê Thị Bích L, bà Lê Thị Bích P, bà Lê Thị Bích D), bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn S, bà Lê Thị Hồng A, bà Lê Thị Cẩm H, ông E, bà Lê Thị Hồng M, bà Lê Thị Lệ T.

Mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được chia một phần tài sản thừa kế là $61,66\text{m}^2$ (có $16,66\text{m}^2$ loại đất thổ cư và 45m^2 loại đất trồng cây lâu năm).

Trong 09 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được chia tài sản thừa kế thì có 06 người nhường quyền hưởng tài sản thừa kế cho bà Lê Thị Cẩm Hồng gồm người thừa kế của ông Lê Văn Đ (gồm vợ là bà Hồ Thị Phận và các con là ông Lê Trung Nguyên, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Bích L, bà Lê Thị Bích P, bà Lê Thị Bích D), bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn S, bà Lê Thị Hồng A, bà Lê Thị Hồng M, bà Lê Thị Lệ T. Riêng bà Lê Thị Lệ T đổi quyền nhận tài sản thừa kế bằng hiện vật cho bà Lê Thị Cẩm H với điều kiện bà H hoàn lại giá trị cho bà T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và được bà H đồng ý việc chuyển đổi này.

Theo như việc thể hiện ý chí định đoạt của những người được hưởng thừa kế trên thì chỉ còn 03 người được nhận tài sản thừa kế (bằng hiện vật) là nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm H. Nguyên đơn và bị đơn mỗi người được nhận phần tài sản thừa kế là $61,66\text{m}^2$ (có $16,66\text{m}^2$ loại đất thổ cư và 45m^2 loại đất trồng cây lâu năm), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm H được nhận phần tài sản thừa kế là $431,62\text{m}^2$ (có $116,62\text{m}^2$ loại đất thổ cư và 312m^2 loại đất trồng cây lâu năm).

Vì vậy, việc bị đơn kháng cáo không đồng ý chia di sản của cụ ông Lê Văn Lờ là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, trên phần quyền sử dụng đất được chia thừa kế của nguyên đơn có cây trồng do bị đơn trồng gồm 149 cây chuối loại A (110.000 đồng/cây), 128 cây chuối loại B (60.000 đồng/cây), 13 cây tre loại dưới 05 mét (10.000 đồng/cây), 03 cây vú sữa loại D (170.000 đồng/cây) nên nguyên đơn phải hoàn lại giá trị cho bị đơn số tiền là 24.710.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm mười ngàn đồng).

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo về việc trên phần đất tranh chấp, bị đơn đã chi số tiền 73.870.000 đồng (bảy mươi ba triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng) để lấp mương và sửa nhà, xây hàng rào gồm: mua 05 ghe cát là 27.500.000 đồng, mua cây gỗ dựng vách nhà là 13.500.000 đồng, vật liệu xây dựng là 14.675.000 đồng, tole lạnh là 5.445.000 đồng, công thợ là 12.750.000 đồng:

Phần kháng cáo này chưa được bị đơn phản tố tại cấp sơ thẩm nên vượt quá phạm vi kháng cáo, phạm vi xét xử. Bị đơn có thể làm đơn khởi kiện thành vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu và chứng cứ chứng minh.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện tặng cho bị đơn quyền sử dụng đất có diện tích 31,04m² (loại đất thổ cư) để tạo điều kiện cho bị đơn có đủ diện tích xây dựng nhà ở và hỗ trợ chi phí tu bổ, bồi đắp đất tranh chấp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên ghi nhận.

Diện tích đất được chia thừa kế của bị đơn là 61,66m² (có 16,66m² loại đất thổ cư và 45m² loại đất trồng cây lâu năm) cộng với diện tích đất được nguyên đơn tặng cho là 31,04m² (loại đất thổ cư) nên điều chỉnh diện tích đất thổ cư tại vị trí A của Bản trích đo địa chính ngày 17/9/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ từ 50m² giảm còn 47,7m² cho đúng với diện tích đất được nhận theo bản án phúc thẩm này.

[4] Tại Bản trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ ngày 04/11/2020 thể hiện 03 phần đất có ranh giới rõ ràng, không xâm phạm đến vật kiến trúc trên đất nên giữ nguyên ranh giới này và xác định lại quyền sử dụng đất được chia trên thực tế như sau:

Phần đất của nguyên đơn là phần đất có ký hiệu B, diện tích là 504,1m² (có 135,62m² loại đất thổ cư và 368,5m² loại đất trồng cây lâu năm). So với quyền sử dụng đất được chia thừa kế và của nguyên đơn là 585,62m² (có 135,62m² loại đất thổ cư và 450m² loại đất trồng cây lâu năm) thì quyền sử dụng đất giảm 81,52m² (loại đất trồng cây lâu năm).

Phần đất của bị đơn là phần đất có ký hiệu A, diện tích là 92,7m² (có 47,7m² loại đất thổ cư và 45 m² loại đất trồng cây lâu năm).

Phần đất của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm Hồng là phần đất không có ký hiệu, có một phần của cụ ông Lê Văn Lôi, diện tích là 513,2m² (có 116,62m² loại đất thổ cư và 294,78m² loại đất trồng cây lâu năm). So với quyền sử dụng đất được chia thừa kế là 431,62m² (có 116,62m² loại đất thổ cư và 312m² loại đất trồng cây lâu năm) thì quyền sử dụng đất tăng 81,52m² (loại đất trồng cây lâu năm). Bà Cẩm Hồng phải hoàn lại giá trị đối với diện tích tăng thêm này lại cho nguyên đơn (với đơn giá loại đất vườn là 131.000 đồng/m²) số tiền tương ứng là 10.679.120 đồng (mười triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn một trăm hai mươi đồng).

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên án:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông E.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Lệ T.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm H.

Bị đơn ông E phải giao trả quyền sở hữu căn nhà (gồm căn nhà chính có kết cấu nhà trệt, khung cột bê tông cốt thép, một vách tole, một vách lá, mái lợp tole không trần, nền lót gạch men, diện tích 30,24m² và căn nhà bếp có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, mái tole, không trần, vách lá, nền gạch tàu, diện tích 46,28m²) cho nguyên đơn bà N. Thời hạn thực hiện việc giao trả là 06 (sáu) tháng tính từ ngày 01/12/2020.

Nguyên đơn bà N được quyền sử dụng phần đất có ký hiệu B, diện tích là 504,1m² (có 135,62m² loại đất thổ cư và 368,5m² loại đất trồng cây lâu năm). Đồng thời, nguyên đơn bà N phải hoàn lại giá trị cây trồng cho bị đơn ông E số tiền là 24.710.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm mười ngàn đồng).

Bị đơn ông E được quyền sử dụng phần đất có ký hiệu A, diện tích là 92,7m² (có 47,7m² loại đất thổ cư và 45 m² loại đất trồng cây lâu năm).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm H được quyền sử dụng phần đất không có ký hiệu, có mộ phần của cụ ông Lê Văn L, diện tích là 513,2m² (có 116,62m² loại đất thổ cư và 294,78m² loại đất trồng cây lâu năm). Đồng thời, bà Lê Thị Cẩm H phải hoàn lại cho nguyên đơn bà N số tiền là 10.679.120 đồng (mười triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn một trăm hai mươi đồng) và phải hoàn lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Lệ Thủy số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Tất cả các quyền sử dụng đất được chia theo vị trí, số đo của Bản trích đo địa chính ngày 17/9/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ; chỉ điều chỉnh diện tích đất thổ cư của vị trí A từ 50m² giảm còn 47,7m².

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

Về án phí dân sự:

Nguyên đơn bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 005545 ngày 08/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn ông E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.644.150 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm năm mươi đồng) và phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.609.240 đồng (bốn triệu sáu trăm lẻ chín ngàn hai trăm bốn mươi đồng) và được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 000048 ngày 26/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) và được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 000047 ngày 26/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Về chi phí đo đạc, định giá:

Chi phí đo đạc, định giá ở cấp sơ thẩm là 6.866.000 đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí này nên bị đơn ông E, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Lệ T mỗi người phải hoàn lại cho nguyên đơn bà N số tiền 762.900 đồng (bảy trăm sáu mươi hai ngàn chín trăm đồng); người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Cẩm H phải hoàn lại cho nguyên đơn bà N số tiền 4.577.000 đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

Chi phí đo đạc, định giá ở cấp phúc thẩm là 5.692.000 đồng. Chi phí này nguyên đơn phải chịu và đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật ngày 01/12/2020.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q.Ô Môn;
- Chi cục THADS Q.Ô Môn;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Thùy Trang